

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh
Quảng Trị

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa, Tỉnh
Quảng Trị

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	
Ông Võ Văn Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/5/2015
Ông Hồ Văn Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30/09/2015
Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30/09/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh
Quảng Trị

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Võ Quang Thành

Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016

Số: 11/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Phú được lập ngày 06 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		46.188.118.188	31.517.715.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.045.930.519	1.882.503.282
111	1. Tiền		7.045.930.519	1.882.503.282
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.903.052.544	13.883.543.041
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.200.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.955.752.544	11.150.693.041
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	5.508.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.239.300.000	2.732.850.000
140	IV. Hàng tồn kho	8	17.200.968.636	15.700.802.667
141	1. Hàng tồn kho		17.200.968.636	15.700.802.667
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38.166.489	50.866.150
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		38.166.489	50.866.150
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		73.128.489.225	10.630.399.772
220	II. Tài sản cố định		11.646.913.639	7.051.334.827
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.646.913.639	7.051.334.827
222	- Nguyên giá		15.007.599.369	9.007.599.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.360.685.730)	(1.956.264.542)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	58.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.481.575.586	3.579.064.945
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.481.575.586	3.579.064.945
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		119.316.607.413	42.148.114.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.035.474.562	16.875.149.637
310	I. Nợ ngắn hạn		8.035.474.562	16.875.149.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	330.981.000	280.621.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.000.000	7.163.050.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	339.574.737	2.138.243.432
314	4. Phải trả người lao động		-	59.223.204
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	20.540.286	48.359.366
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	6.800.000.000	7.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		543.378.539	185.652.635
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		111.281.132.851	25.272.965.275
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	111.281.132.851	25.272.965.275
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	20.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		543.378.539	185.652.635
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.737.754.312	5.087.312.640
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.371.860.832	5.087.312.640
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.365.893.480	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		119.316.607.413	42.148.114.912

Tên

Tên



Hồ Văn Tiến
 Người lập

Hồ Văn Tiến
 Kế toán trưởng

Võ Quang Thành
 Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	87.030.044.000	45.762.779.699
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		87.030.044.000	45.762.779.699
11	4. Giá vốn hàng bán	18	78.780.640.518	44.517.897.620
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.249.403.482	1.244.882.079
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.098.771	1.530.772
22	7. Chi phí tài chính	19	668.162.820	272.670.914
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		668.162.820	272.670.914
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	876.871.216	1.543.349.865
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.705.468.217	(569.607.928)
31	11. Thu nhập khác		-	7.959.500.000
32	12. Chi phí khác		-	3.812.633.034
40	13. Lợi nhuận khác		-	4.146.866.966
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.705.468.217	3.577.259.038
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	339.574.737	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.365.893.480	3.577.259.038

neu

neu



Hồ Văn Tiến
 Người lập

Hồ Văn Tiến
 Kế toán trưởng

Võ Quang Thành
 Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.705.468.217	3.577.259.038
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.404.421.188	1.352.661.050
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(533.929)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(564.842)	(4.156.240.541)
06	- Chi phí lãi vay		668.162.820	272.670.914
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.776.953.454	1.046.350.461
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.498.809.842)	(5.584.034.886)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.500.165.969)	(4.182.991.053)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.336.975.716)	1.848.527.527
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		97.489.359	189.776.548
14	- Tiền lãi vay đã trả		(668.162.820)	(272.670.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.129.671.534)	(6.955.042.317)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(6.418.146.187)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.959.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.508.000.000)	
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		564.842	1.530.772
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.507.435.158)	1.542.884.585
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		16.000.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		24.086.000.000	12.500.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(24.286.000.000)	(5.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.800.000.000	7.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.162.893.308	1.587.842.268



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.882.503.282	294.661.014
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		533.929	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>7.045.930.519</u>	<u>1.882.503.282</u>

Nen

Nen



Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Võ Quang Thành
Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 27.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị 08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 08 năm
- Tài sản cố định khác 08 năm



2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.505.088.227	1.871.322.284
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.540.842.292	11.180.998
	<u><u>7.045.930.519</u></u>	<u><u>1.882.503.282</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh
Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	58.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	58.000.000.000	-	-	-
	58.000.000.000	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thanh Hà	6.200.000.000	-
	6.200.000.000	-
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	6.200.000.000	-
	6.200.000.000	-

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty cổ phần Nasan VN (1)	3.900.000.000	-
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác (2)	1.608.000.000	-
	5.508.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay số 011222015 ngày 31/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 1%/tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.900.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có hình thức đảm bảo tiền vay.

(2) Là các khoản cho cá nhân là nhân viên trong Công ty vay với thời hạn 03 tháng, lãi suất 1%/tháng.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	1.239.300.000	-	1.400.000.000	-
Phải thu khác	-	-	1.332.850.000	-
	1.239.300.000	-	2.732.850.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.841.479.600	-	36.860.000	-
Thành phẩm	8.359.489.036	-	14.541.140.094	-
Hàng hoá	-	-	1.122.802.573	-
	17.200.968.636	-	15.700.802.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh
Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	3.477.699.369	4.104.700.000	1.023.200.000	402.000.000	9.007.599.369					
- Tăng khác (*)	4.074.000.000	1.926.000.000	-	-	6.000.000.000					
Số dư cuối năm	7.551.699.369	6.030.700.000	1.023.200.000	402.000.000	15.007.599.369					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	738.070.148	721.328.641	383.700.000	113.165.753	1.956.264.542					
- Khấu hao trong năm	655.819.938	570.451.250	127.900.000	50.250.000	1.404.421.188					
Số dư cuối năm	1.393.890.086	1.291.779.891	511.600.000	163.415.753	3.360.685.730					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	2.739.629.221	3.383.371.359	639.500.000	288.834.247	7.051.334.827					
Tại ngày cuối năm	6.157.809.283	4.738.920.109	511.600.000	238.584.247	11.646.913.639					

(*) Tài sản cố định tăng do nhận góp vốn

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.346.729.392 đồng.

19
KIỂM
H. H. H. H.
55.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m ²	3.439.866.407	3.525.892.938
Chi phí trả trước dài hạn khác	41.709.179	53.172.007
	<u><u>3.481.575.586</u></u>	<u><u>3.579.064.945</u></u>

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Hợp Phát	209.860.000	209.860.000	-	-
Công ty CP Gap Việt Nam	86.000.000	86.000.000	-	-
Công ty CP DV TMVT Phú Thành	-	-	280.621.000	280.621.000
Phải trả các đối tượng khác	35.121.000	35.121.000	-	-
	<u><u>330.981.000</u></u>	<u><u>330.981.000</u></u>	<u><u>280.621.000</u></u>	<u><u>280.621.000</u></u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	330.981.000	330.981.000	280.621.000	280.621.000
	<u><u>330.981.000</u></u>	<u><u>330.981.000</u></u>	<u><u>280.621.000</u></u>	<u><u>280.621.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.138.243.432	-	-	2.138.243.432	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	339.574.737	339.574.737	-	-	-	-	-	339.574.737
	-	2.138.243.432		339.574.737	2.138.243.432					339.574.737

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Bảo hiểm xã hội	20.540.286	48.359.366	48.359.366	48.359.366
- Bảo hiểm y tế	12.272.286	48.359.366	48.359.366	48.359.366
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.724.000	-	-	-
	2.544.000	-	-	-
	20.540.286	48.359.366	48.359.366	48.359.366

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh
Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội_ Chi nhánh Hà Đông	7.000.000.000	7.000.000.000	24.086.000.000	24.286.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
	7.000.000.000	7.000.000.000	24.086.000.000	24.286.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000

Hợp đồng tín dụng số 22/2014/HĐHM - PN/SHB.11200 ngày 07/04/2014 và phụ lục gia hạn ngày 09/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6,8 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua cà phê thóc;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết 09/07/2016;
- + Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.800.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	1.881.358.872	21.881.358.872
Lãi trong năm trước	-	-	3.577.259.038	3.577.259.038
Phân phối lợi nhuận	-	185.652.635	(371.305.270)	(185.652.635)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	185.652.635	5.087.312.640	25.272.965.275
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	185.652.635	5.087.312.640	25.272.965.275
Tăng vốn trong năm nay	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	6.365.893.480	6.365.893.480
Phân phối lợi nhuận	-	357.725.904	(715.451.808)	(357.725.904)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	543.378.539	10.737.754.312	111.281.132.851

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên số 01/2015/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/03/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	3.577.259.038
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	357.725.904
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	357.725.904
Lợi nhuận chưa phân phối	80,00%	2.861.807.230

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông khác	100,00%	100.000.000.000	100,00%	20.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thủy	74,00%	74.000.000.000	0,00%	-
- Ông Võ Quang Thành	12,00%	12.000.000.000	97,50%	19.499.000.000
- Các cổ đông khác	14,00%	14.000.000.000	2,51%	501.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	80.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	20.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

e) Các quỹ công ty	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	543.378.539	185.652.635
	543.378.539	185.652.635
16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
c) Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	49,53	49,53
17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	81.070.044.000	45.762.779.699
Doanh thu bán hàng hóa	5.960.000.000	-
	87.030.044.000	45.762.779.699
18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	70.797.533.985	44.517.897.620
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.862.802.573	-
Các khoản chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	1.120.303.960	-
	78.780.640.518	44.517.897.620
19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	668.162.820	272.670.914
	668.162.820	272.670.914
20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	160.464.471
Chi phí nhân công	705.051.660	829.274.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	398.239.863
Thuế, phí, lệ phí	5.958.975	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.406.431	110.302.853
Chi phí khác bằng tiền	21.454.150	45.068.145
	876.871.216	1.543.349.865

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.705.468.217	3.577.259.038
Các khoản điều chỉnh tăng	86.026.531	172.053.062
- Chi phí không hợp lệ	86.026.531	172.053.062
Thu nhập tính thuế TNDN	6.791.494.748	3.749.312.100
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	679.149.475	374.931.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(339.574.738)	(374.931.210)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	339.574.737	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	339.574.737	-

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.078.140.400	31.790.898.196
Chi phí nhân công	819.513.198	922.174.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.404.421.188	1.352.661.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.271.681	302.190.646
Chi phí khác bằng tiền	203.711.636	325.454.112
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	60.613.058.103	34.693.378.537

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.045.930.519	-	1.882.503.282	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.439.300.000	-	2.732.850.000	-
Các khoản cho vay	5.508.000.000	-	-	-
Tổng tài sản tài chính	19.993.230.519	-	4.615.353.282	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	6.800.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	351.521.286	328.980.366
	7.151.521.286	7.328.980.366

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.045.930.519	-	-	7.045.930.519
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.439.300.000	-	-	7.439.300.000
Các khoản cho vay	5.508.000.000	-	-	5.508.000.000
	19.993.230.519	-	-	19.993.230.519
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.882.503.282	-	-	1.882.503.282
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.732.850.000	-	-	2.732.850.000
	4.615.353.282	-	-	4.615.353.282

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	351.521.286	-	-	351.521.286
	7.151.521.286	-	-	7.151.521.286
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	328.980.366	-	-	328.980.366
	7.328.980.366	-	-	7.328.980.366

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản xuất cà phê VND	Bán buôn hàng nông sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	81.070.044.000	5.960.000.000	87.030.044.000
Chi phí bộ phận trực tiếp	71.917.837.945	6.862.802.573	78.780.640.518
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.152.206.055	(902.802.573)	8.249.403.482
Tài sản bộ phận trực tiếp	47.485.210.405	-	47.485.210.405
Tài sản không phân bổ	-	-	71.831.397.008
Tổng tài sản	47.485.210.405	-	119.316.607.413
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.131.981.000	-	7.131.981.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	903.493.562
Tổng nợ phải trả	7.131.981.000	-	8.035.474.562

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Góp vốn			
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	58.000.000.000	-
Cho vay			
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	3.900.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu cho vay			
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	3.900.000.000	-
Phải thu khác			
Ông Võ Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	1.332.850.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	107.376.000	101.046.899

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKM19, thôn Cọp, xã Hường Phùng, huyện Hường Hóa,
tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.483.543.041	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	13.883.543.041	1.400.000.000
131	1. Phải thu khách hàng	-	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-
132	2. Trả trước cho người bán	11.150.693.041	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.150.693.041	-
135	5. Các khoản phải thu khác	1.332.850.000	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	2.732.850.000	1.400.000.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.450.866.150	150	V. Tài sản ngắn hạn khác	50.866.150	(1.400.000.000)
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.400.000.000	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(1.400.000.000)
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	7.000.000.000	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.000.000.000	-
312	2. Phải trả người bán	280.621.000	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	280.621.000	-
313	3. Người mua trả tiền trước	7.163.050.000	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.163.050.000	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	20.000.000.000	20.000.000.000
			411b	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

pen

pen

Hò Văn Tiến
Người lậpHò Văn Tiến
Kế toán trưởngVõ Quang Thành
Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016